

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày: 28/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Đoàn Văn Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê M S, sinh ngày 09/10/1992, tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Khóm VT, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/7/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 17 tháng. Chấp hành xong ngày 14/8/2024; nhân thân: Ngày 26/10/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 15/10/2017; Ngày 31/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 13 tháng, chấp hành xong ngày 25/5/2020; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/9/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Phan Hữu P, sinh ngày 22/6/1986, tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư

trú: Khóm VT, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S1 và bà Nguyễn Thị Thu T; có vợ tên Phạm Thị Thu T1 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/5/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 14/8/2021; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/9/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Trọng N, sinh năm 1988; nơi cư trú: khóm Bình Hoà, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Phan Văn S1, sinh năm 1968; nơi cư trú: khóm VT, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Đoàn Hoài N1. (Vắng mặt)

2. Lê M. (Vắng mặt)

- Người chứng kiến: Trần Hồng P (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25/9/2024, nhận được tố giác về tội phạm của quần chúng nhân dân tại nhà của bị cáo Lê M S thuộc khóm VT, thị trấn CD, huyện C có nhiều đối tượng tụ tập nghi vấn tổ chức và sử dụng trái phép chất ma túy, nên Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy - Công an huyện Châu Phú phối hợp cùng Công an thị trấn Cái Dầu tiến hành kiểm tra phát hiện bị cáo Lê M S cùng bị cáo Phan Hữu P, Đoàn Hoài N1 và Phạm Trọng N đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời thu giữ 02 bọc nilon trong suốt hàn kín hai đầu bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, 01 bọc nilon trong suốt đã bị cắt 01 đầu, bên trong không có gì, 01 xe mô tô biển số 67D1-194.67, 03 điện thoại di động, 01 bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy, 01 hộp quẹt gas màu đỏ, 01 cây kéo bằng kim loại.

Qua làm việc, bị cáo S, N1, N khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 25/9/2024, bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 67D1-194.67 chở Nhân đến nhà bị cáo S. Tại đây, bị cáo P rủ bị cáo S sử dụng ma túy thì bị cáo S đồng ý, nhưng do không có ma túy nên bị cáo P điều khiển xe mô tô đi mua, khoảng 10 phút sau thì quay trở về nhà bị cáo S, cầm trên tay phải 03 bọc ma túy đá ném xuống nền

gạch trong nhà rồi kêu bị cáo S lấy 01 bọc ma túy để cùng sử dụng, còn 02 bọc cất vào hộc tủ máy may để dành sử dụng các lần sau, nghe vậy bị cáo S lấy 02 bọc ma túy cất xong, thì lấy bộ dụng cụ sử dụng của bị cáo S để ma túy vào, rồi bị cáo S, bị cáo P, N1 lần lượt thay phiên nhau sử dụng. Trong lúc sử dụng ma túy thì bị cáo S sử dụng điện thoại di động nhắn tin rủ N đến cùng sử dụng. Khi S, P, N1 và N đang sử dụng thì bị phát hiện, nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Riêng bị cáo P quá trình điều tra không thừa nhận việc đi mua ma túy và rủ bị cáo S sử dụng ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo S, N1, N, M và kết quả xét nghiệm ma túy, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có đủ căn cứ để quy kết trách nhiệm và hành vi phạm tội của bị cáo P.

Vật chứng thu giữ: 02 bọc nilon trong suốt hàn kín hai đầu bên trong đều chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (đã niêm phong); 01 bọc nilon trong suốt đã bị cắt 01 đầu bên trong không có gì; 01 xe mô tô biển số 67D1-194.67; 01 điện thoại di động hiệu Redmi; 01 điện thoại di động hiệu ITEL; 01 điện thoại di động hiệu Vivo; 01 bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy; 01 hộp quẹt gas màu đỏ; 01 cây kéo bằng kim loại.

Tại bản kết luận giám định giám định số: 1378/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, bên trong có 02 (hai) bọc nilon trong suốt hàn kín chứa tinh thể màu trắng là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng: 0,2311g (không phải hai ba một một gam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S1 trình bày xe mô tô biển số: 67D1 - 194.67 do ông mua lại của người khác nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên. Xe do ông giao cho bị cáo P đi lại và phụ giúp ông chở mía, ông không biết bị cáo P sử dụng xe mô tô trên để phạm tội, ông xin nhận lại xe.

Người làm chứng Lê M khai: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/9/2024, Minh có thấy bị cáo P, bị cáo S, N1 và N sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bà H là mẹ ruột của M và S, ma túy là do bị cáo P mua.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSCP.HS ngày 03 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Lê M S và bị cáo Phan Hữu P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo P khai nhận lý do bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội là do bị cáo từng

bị chấp hành án phạt tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo nhận thấy khung hình phạt bị cáo đang bị truy tố quá cao nên bị cáo chối tội, đối với điện thoại di động hiệu Itel màu xanh đen đã bị thu giữ trong quá trình điều tra bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy sử dụng, bị cáo yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo S và bị cáo P không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 67D1 - 194.67, do xe thuộc quyền sở hữu của ông, ông không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo Trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt:

- + Bị cáo Lê M S: Từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024.

- + Bị cáo Phan Hữu P: Từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 cái phong bì được niêm phong có ghi “Vụ số 1378/KL-KTHS ngày 02/10/2024” bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,1949 gam; 01 bọc nilon trong suốt được cắt 01 đầu bên trong không có gì; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

- + Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo; màu xanh, tình trạng không mở nguồn được của bị cáo S và 01 điện thoại di động hiệu Itel màu xanh đen của bị cáo P.

+ Trả lại cho Phạm Trọng N1 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model: Redmi Note 12. Trả lại cho Phan Văn S1 01 chiếc xe mô tô biển số: 67D1 - 194.67.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của Đoàn Trọng Nhân 01 điện thoại di động, Nhân chỉ là người sử dụng chung ma túy với các bị cáo và không bị khởi tố. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Nhân tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Tại phiên tòa, tất cả người làm chứng và người chứng kiến vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng, người chứng kiến không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo S và bị cáo P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/9/2024, bị cáo P đã có hành vi rủ bị cáo S sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo S đồng ý. Bị cáo P là người tự mua 03 bọc nilon chứa ma túy và giao ma túy cho bị cáo S, trong đó 01 bọc nilon chứa ma túy dùng để sử dụng chung, còn lại 02 bọc nilon chứa ma túy bị cáo kêu bị cáo S cất giấu để sử dụng cho các lần tiếp theo. Bị cáo S là người chuẩn bị địa điểm và dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy và đem cất giấu 02 bọc nilon chứa ma túy vào hộc tủ máy may. Bị cáo S

là người rủ N sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù lần lượt từ 07 năm đến 15 năm và từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, nằm trong danh mục quản lý độc quyền của Nhà nước, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến ma túy đều được pháp luật nghiêm cấm. Ma túy là một trong những nguyên nhân để phát sinh nhiều tội phạm khác trong xã hội, đặc biệt trong những năm gần đây tội phạm liên quan đến ma túy ngày càng gia tăng và gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chỉ đạo, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống ma túy và xử lý nghiêm minh với những vi phạm tội liên quan đến ma túy. Các bị cáo là người trưởng thành, tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng để thỏa mãn cơn nghiện nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo P quá trình điều tra bị cáo luôn chối tội tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, qua đó cho thấy bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải và nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt chính: Trong vụ án bị cáo P là người chủ động rủ bị cáo S sử dụng ma túy và là người chuẩn bị ma túy; bị cáo S là người chuẩn bị địa điểm, dụng cụ và rủ Nhân sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có nhân thân xấu và đều bị truy tố cùng tội danh, vai trò phạm tội của các bị cáo là như nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của các bị cáo đã thực hiện nhằm để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công

dân tốt, biết tôn trọng pháp luật và nhằm đề răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 3 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy, các bị cáo không có thu nhập ổn định, thu nhập chính từ việc làm thuê, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 cái phong bì được niêm phong có ghi “Vụ số 1378/KL-KTHS ngày 02/10/2024” bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,1949 gam; 01 bọc nilon trong suốt được cắt 01 đầu bên trong không có gì; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy. Xét thấy đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh, tình trạng: Không mở nguồn được, đã qua sử dụng của bị cáo S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL màu xanh đen, đã qua sử dụng của bị cáo P. Xét đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu, phát mãi sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model: Redmi Note 12 là tài sản của Nghĩa; 01 xe mô tô biển số: 67D1 - 194.67 tài sản của ông Sĩ. Xét đây là tài sản không liên đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho N và S1.

[5] Đối với Đoàn Hoài N1, Phan Trọng N được các bị can rủ tham gia sử dụng ma túy, N1, N không tham gia hùn tiền để mua ma túy, không giúp sức các bị cáo trong việc tổ chức sử dụng ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[6] Đối với người bán ma túy cho bị cáo P do chưa xác định được họ, địa chỉ và chưa làm việc được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Hữu P và bị cáo Lê M S phạm tội “Tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Lê M S: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Lê M S phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024.

- Xử phạt bị cáo Phan Hữu P: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Phan Hữu P phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái phong bì được niêm phong có ghi “Vụ số 1378/KL-KTHS ngày 02/10/2024” có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Duy Minh; bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,1949g; (không thấy một chính bốn chín gam); 01 (một) bọc nilon trong suốt được cắt 01 (một) đầu bên trong không có gì; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy; 01 (một) cái hộp quẹt gas; 01 (một) cây kéo bằng kim loại.

- Tịch thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, model: Redmi Note 12 cho Phạm Trọng N. Trả lại 01 (một) xe mô tô biển số: 67D1 - 194.67 cho phạm Văn S1.

(đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/4/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú).

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc: Bị cáo Lê M S và bị cáo Phan Hữu P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Phân trại tạm giam KVCP;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang

